

Bản án số: 52/2020/HC-PT
Ngày: 04-12-2020
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường.**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tiến.**

Ông **Lê Tự.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng Phụng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04-12-2020, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 20/2019/TLPT-HC ngày 03-12-2019 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2019/HC-ST ngày 15-7-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2020/QĐ-PT ngày 17-11-2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị Minh L**; địa chỉ cư trú: Số 39/24, đường Y, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Luật sư **Phan Tùng L1** - Công ty Luật hợp danh NH, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 61, phố N1, quận T, Thành phố Hà Nội, có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông **Vũ Chí H1** - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố N; địa chỉ: Số 42, đường L2, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền số 223/UBND-TNMT ngày 13-01-2020), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông **Nguyễn Khánh Ng** - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông **Phan Đ** - Nhân viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Huyền Ng1; địa chỉ cư trú: Số 30, đường L3, phường P1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

2. Chị Huỳnh Minh H1; địa chỉ cư trú: Số 30, đường L3, phường P1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

3. Anh Huỳnh Minh Đ1; địa chỉ cư trú: Số 30, đường L3, phường P1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Chị Huỳnh Kim Th1; địa chỉ cư trú: Số 10/6, đường T1, thành phố Q, tỉnh Bình Định, có mặt.

- *Người làm chứng:*

Bà Nguyễn Thị Bạch Y; địa chỉ cư trú: Số 69, đường T2, phường T3, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, bà Nguyễn Thị Minh L trình bày:

Bà và ông Huỳnh Quang Ch kết hôn năm 1975. Tuy nhiên, do thường xuyên bất đồng quan điểm trong quá trình chung sống, nên bà và ông Ch ly hôn (Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 44/QĐ-TA ngày 30-4-1990 của Tòa án nhân dân thành phố N). Trong thời kỳ hôn nhân bà, ông Ch và cha mẹ chồng là cụ ông Huỳnh Quang A (chết năm 2015) và cụ bà Phan Thị Q1 (chết 1981) có tạo lập một khối tài sản chung là nhà đất tại số 30, đường L3, phường P1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Trong đó, bà và ông Ch góp một nửa tiền, còn cụ ông A và cụ bà Q1 góp nửa tiền. Nhà, đất nêu trên do cụ ông Huỳnh Quang A và cụ bà Phan Thị Q1 đứng tên. Việc mua bán này có ông Huỳnh Quang Th2 là anh ruột của ông Ch (đã chết) biết. Khi ly hôn, bà và ông Ch thống nhất phân tài sản của bà là $\frac{1}{4}$ trong số tài sản trên, sau này để lại cho các con nên bà không yêu cầu chia tài sản.

Năm 2015, ông Huỳnh Quang Ch chết; năm 2018, chị Huỳnh Minh H1 (con gái của bà và ông Ch) xin cung cấp thông tin về nhà, đất tại số 30, đường L3, phường P1, thành phố N để kê khai di sản thừa kế thì được biết nhà, đất trên đang đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất là ông Huỳnh Quang Ch và bà Phạm Huyền Ng1 (vợ sau này của ông Ch). Bà có đơn khiếu nại và tại Văn bản số 6121/UBND-TNMT ngày 29-8-2018, Ủy ban nhân (sau đây viết tắt là UBND) dân thành phố N cho rằng các đồng thừa kế cùng lập biên bản phân chia di sản thừa kế đồng ý nhường toàn bộ nhà, đất cho cha là cụ ông Huỳnh Quang A rồi cụ A lập hợp đồng cho toàn bộ nhà đất này cho ông Huỳnh Quang Ch và bà Phạm Huyền Ng1. Như vậy, việc ông Ch và bà Ng1 đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại số 30, đường L3, phường P1, thành phố N là trái

pháp luật. Bởi lẽ, tài sản nói trên có ¼ là tài sản của bà, nhưng các hợp đồng phân chia di sản thừa kế và tặng cho bà không biết, nên nó không có giá trị pháp lý. Mặt khác, hình thức trả lời đơn của UBND thành phố N không đúng quy định, vì việc trả lời đơn phải bằng quyết định giải quyết khiếu nại, đồng thời thời hạn giải quyết quá hạn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Văn bản số 6121/UBND-TNMT ngày 29-8-2018 của UBND thành phố N.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BI 061299, sổ vào sổ cấp GCN: H01432 ngày 15-3-2005 do UBND thành phố N cấp cho ông Huỳnh Quang Ch và bà Phạm Huyền Ng1 đối với thửa đất số 205, tờ bản đồ số 4, diện tích 109,7 m²; địa chỉ: Số 30, đường L3, phường P1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người bị kiện là UBND thành phố N và Chủ tịch UBND thành phố N, do người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày tại Văn bản số 1535/UBND-TNMT ngày 04-3-2019:

Năm 2004, ông Huỳnh Quang Ch và bà Phạm Huyền Ng1 lập thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại nhà, đất số 30, đường L3, phường P1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng và được Sở Xây dựng phê duyệt ngày 28-12-2004), có nguồn gốc do ông, bà Trần Đ3 - Nguyễn Thị G chuyển nhượng cho ông bà Huỳnh Quang A - Phan Thị Q1 (được UBND thành phố N xác nhận ngày 30-6-1980). Đến năm 1981, bà Phan Thị Q1 chết (không để lại di chúc), theo đó các đồng thừa kế cùng lập Biên bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế cùng đồng ý nhường toàn bộ nhà đất trên cho cha là Huỳnh Quang A (được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa chứng thực số 385, quyền số TKTP/CC-SCC/HĐGD ngày 26-10-2004).

Cùng năm 2004, ông Huỳnh Quang A lập Hợp đồng cho toàn bộ nhà, đất trên cho ông Huỳnh Quang Ch và bà Phạm Huyền Ng1 (được Phòng Công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa chứng thực số 289, quyền số TCN TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04-11-2004). Do đó, ngày 15-3-2005, UBND thành phố N đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: H01432 cho ông Huỳnh Quang Ch và bà Phạm Huyền Ng1 tại địa chỉ: số 30, đường L3, phường P1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Năm 2012, ông Huỳnh Quang Ch làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận trên (theo dự án Vlap) và đã được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 00607/22366 ngày 14-01-2013 cho ông Huỳnh Quang Ch và bà Phạm Huyền Ng1.

Như vậy, căn cứ kết quả xác minh nguồn gốc sử dụng đất của Sở Xây dựng và Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đã giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Quang Ch và bà Phạm Huyền Ng1 đối với nhà đất nêu trên là đúng quy định pháp luật. Do đó, việc UBND thành phố N trả lời tại Văn bản số 6121/UBND-TNMT ngày 29-8-2018 là có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Huyền Ng1 trình bày: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Quang Ch và bà đôi với nhà đất trên là đúng quy định pháp luật.

- Chị Huỳnh Minh H1, anh Huỳnh Minh Đ1 trình bày: Không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Chị Huỳnh Kim Th1 trình bày: Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh L, chị Th1 cho rằng nhà đất là tài sản của bà L và ông Huỳnh Quang Ch tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Huỳnh Quang Ch và bà Phạm Huyền Ng1 thì bà L, anh Huỳnh Minh Đ1 và chị Huỳnh Minh H1 không ai biết. Đến năm 2018, bà Ng1 đề nghị bán nhà thì bà L, anh Đ1 và chị H1 mới biết. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Bạch Y trình bày:

Bà là vợ của ông Huỳnh Quang Th2 (anh trai ruột của ông Ch - đã chết), bà được biết nhà đất số 30, đường L3, phường P1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa có nguồn gốc như sau: Năm 1976, cha mẹ chồng bà là cụ ông Huỳnh Quang A và cụ bà Phan Thị Q1 đứng tên mua. Tháng 5-1976, vợ chồng bà và con gái từ Hà Nội chuyển vào ở với cha, mẹ chồng. Năm 1979, vợ chồng bà được cấp nhà nên chuyển đến ở tại số 84, Hồng Bàng, thành phố N. Thời gian cụ ông Huỳnh Quang A còn sống, có nói cho bà biết nhà đất ở số 30, đường L3 là do vợ chồng ông Huỳnh Quang Ch, bà Nguyễn Thị Minh L góp nửa tiền để mua chung (1.500 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên việc đối thoại không thực hiện được.

- *Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HCTST ngày 15-7-2019, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa:*

Căn cứ các khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 79; Điều 116; Điều 157; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính.

Căn cứ Điều 242 Bộ luật Dân sự năm 1995; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh L về việc yêu cầu hủy Văn bản trả lời đơn số: 6121/UBND-TNMT ngày 29-8-2018 của Chủ tịch UBND thành phố N và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 061299, sổ vào sổ cấp GCN H01432 ngày 15-3-2005 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp cho ông Huỳnh Quang Ch và bà Phạm Huyền Ng1 đối với thửa đất số 205, tờ bản đồ số 4, diện tích 109,7 m² tại địa chỉ số 30, đường L3, phường P1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Ngoài ra, bản sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 26-7-2019, bà Nguyễn Thị Minh L kháng cáo bản án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Do không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ngày 26-7-2019, bà Nguyễn Thị Minh L kháng cáo bản án. Đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Minh L giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Văn bản số 6121/UBND-TNMT ngày 29-8-2018 của UBND thành phố N và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND thành phố N cấp cho ông Huỳnh Quang Ch và bà Phạm Huyền Ng1; người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có quan điểm giữ nguyên quyết định hành chính đã ban hành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính: Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh L, sửa bản án sơ thẩm, hủy Văn bản số 6121/UBND-TNMT ngày 29-8-2018 của UBND thành phố N và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BI 061299, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00607/22366 ngày 14-01-2013 do UBND thành phố N cấp cho ông Huỳnh Quang Ch và bà Phạm Huyền Ng1 đối với thửa đất số 205, tờ bản đồ số 4, tại địa chỉ số 30, đường L3, phường P1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

[2]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh L:

[2.1]. Về nguồn gốc nhà, đất tại số 30, đường L3, phường P1, thành phố N:

Bà Nguyễn Thị Minh L cho rằng UBND thành phố N cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BI 061299, sổ vào sổ cấp GCN: CH00607/22366 ngày 14-01-2013 cho ông Huỳnh Quang Ch và bà Phạm Huyền Ng1 đối với thửa đất số 205, tờ bản đồ số 4, diện tích 109,7 m², tại số 30, đường L3, phường P1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa là không đúng pháp luật, bởi lẽ: Trong thời kỳ hôn nhân (năm 1976) bà, ông Huỳnh Quang Ch và cha, mẹ chồng là cụ ông Huỳnh Quang A (chết năm 2015), cụ bà Phan Thị Q1 (chết năm 1981) có tạo lập một khối tài sản là nhà, đất tại số 30, đường L3, phường P1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Trong đó, bà và ông Ch góp ½ số tiền, còn cụ A và cụ Q1 góp ½ số tiền để mua nhà và thống nhất nhà, đất do cụ ông Huỳnh Quang A và cụ bà Phan Thị Q1 đứng tên. Khi ly hôn (năm 1990), bà và ông Ch thỏa thuận phần tài sản của bà là ¼ trong số tài sản trên, sau này để lại cho các con, nên bà không yêu cầu chia tài sản chung. Năm 2018, biết được nhà, đất nêu trên đang đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ông Huỳnh Quang Ch và bà Phạm Huyền Ng1 (vợ sau của ông Ch), nên bà khiếu nại, nhưng không được UBND thành phố N chấp nhận. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án hủy Văn bản số 6121/UBND-TNMT ngày 29-8-2018 của UBND thành phố N về việc trả lời đơn

cho bà và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho ông Huỳnh Quang Ch và bà Phạm Huyền Ng1.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10-5-2019, bà Nguyễn Thị Bạch Y (là chị dâu ông Huỳnh Quang Ch - bút lục số 86), xác định: “Nhà đất số 30, L3, phường P1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa có nguồn gốc như sau: Năm 1976, cha mẹ chồng tôi là ông Huỳnh Quang A và bà Phan Thị Q1 đứng tên mua. Đến tháng 5-1976, vợ chồng tôi và con gái từ Hà Nội chuyển vào ở với cha mẹ chồng. Năm 1979, vợ chồng tôi được cấp nhà nên chuyển đến ở tại số 84, Hồng Bàng, thành phố N. Trong thời gian còn sống, ông Huỳnh Quang A có nói nhà đất ở số 30, L3 là do vợ chồng ông Huỳnh Quang Ch và bà Nguyễn Thị Minh L góp nửa tiền để mua cùng (1.500 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa)”.

Tại Giấy xác nhận ngày 07-7-2018, ông Huỳnh Quang Th2 (là anh trai ông Huỳnh Quang Ch) và bà Nguyễn Thị Bạch Y (là chị dâu ông Huỳnh Quang Ch) - bút lục số 101, đều khẳng định: “Sau ngày miền nam hoàn toàn giải phóng; năm 1976, ba má tôi mua căn nhà ở địa chỉ số 30, đường L3, thành phố N. Lúc bấy giờ ba má tôi chưa đủ tiền, nên em ruột tôi là ông Huỳnh Quang Ch và vợ là bà Nguyễn Thị Minh L học tập ở Liên Xô về nên có ít tiền, tự nguyện đóng góp 50% số tiền để ba má đủ tiền mua nhà. Giá trị căn nhà lúc bấy giờ là 3.000 đồng. Vợ chồng tôi và em họ (con chú ruột) là ông Huỳnh Quang H2 lúc đó cùng ở số 30, đường L3, đều không có tiền đóng góp. Tôi là con lớn, ba má tôi nói rõ như vậy. Tôi khẳng định rằng việc vợ chồng chú Huỳnh Quang Ch, Nguyễn Thị Minh L đã đóng góp 50% số tiền mua căn nhà địa chỉ số 30, đường L3, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa là đúng sự thật”. Do ông Huỳnh Quang Th2 đã chết, nên tại Công văn trả lời kết quả giám định số 292/GĐTP/2019 ngày 31/5/2019, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa xác định: Chữ ký dưới mục “Xác nhận của ông Huỳnh Quang Th2” trên 03 (ba) “Giấy xác nhận” có nội dung xác nhận vợ chồng ông Huỳnh Quang Ch - Nguyễn Thị Minh L đã đóng góp 50% số tiền mua căn nhà tại địa chỉ số 30, L3, phường P1, thành phố N, Khánh Hòa đề ngày 07-7-2018 so với chữ ký của ông Huỳnh Quang Th2 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người ký ra.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Minh L cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm “Di chúc”, đề ngày 1-1-1993 của ông Huỳnh Quang A, trong đó có nội dung “... Căn nhà này coi như Ch một nửa, ba một nửa. Nửa của ba là phần chung của hai con. Do đó, Ch 2 + 1, còn Th2 1 = 4 phần... Nhà này (30, L3), ba mua quý I - 76, với giá 3.000 đồng (ba nghìn đồng bạc Ngân hàng nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Số tiền này ba và Ch xấp xỉ, Ch hơn chút ít” và cung cấp “Giấy cho nhà” đề ngày 20-3-2000 (có xác nhận của UBND phường P1), có nội dung: “... Nay tôi làm giấy này cho căn nhà số 30, L3, phường P1, thành phố N cho con tôi là Huỳnh Quang Ch được quyền sử dụng. Kính đề nghị cơ quan chức năng tạo điều kiện thuận lợi để con tôi được làm thủ tục quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất căn nhà số 30, L3, phường P1, thành phố N”.

Để có căn cứ xác định “Di chúc”, đề ngày 1-1-1993 là của ông Huỳnh Quang A, Tòa án cấp phúc thẩm quyết định trưng cầu giám định và tại Kết luận giám định số 669/C09 (Đ2) ngày 29-7-2020, Phân viện Khoa học hình sự tại Đà Nẵng kết luận:

Chữ ký, chữ viết họ tên Huỳnh Quang A phía dưới các nội dung “N ngày 1-1-1993 Ba”; “Cụ thể có phần tiếp theo sau”; N ngày 26-4-95 Người làm giấy” trên tài liệu cần giám định, ký hiệu A (Di chúc, đề ngày 1-1-1993) với chữ ký, chữ viết đứng tên ông Huỳnh Quang A trên các tài liệu mẫu so sánh, ký hiệu M1 đến M6 (M1 là “Giấy cho nhà”, đề ngày 20-3-2000; M2 là “Đơn xin phép xây dựng (Công trình thuộc sở hữu tư nhân)”; M3 là “Giấy cam kết”, đề ngày 24-9-1997; M4 là “Bổ sung lý lịch (Từ tháng 9 năm 1974, đến tháng 8 năm 1979” của ông Huỳnh Quang A, đề ngày 08/11/1979; M5 là “Sơ yếu lý lịch Đảng viên”, đề ngày 25-11-1974; M6 là “Đơn xin mua nhà” của ông Huỳnh Quang A, đề ngày 24-02-1976) là do cùng một người ký và viết ra.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Bà Nguyễn Thị Minh L và ông Huỳnh Quang Ch (chết năm 2015) kết hôn năm 1975 và đến năm 1990 thì ly hôn. Trong thời kỳ hôn nhân (năm 1976), vợ chồng bà L và cha mẹ chồng là cụ ông Huỳnh Quang A (chết năm 2015) và cụ bà Phan Thị Q1 (chết 1981) cùng nhau nhận chuyển nhượng nhà, đất tại số 30, L3, phường P1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa của ông Trần Đ3 và bà Nguyễn Thị G với giá 3.000 đồng (có xác nhận của UBND thành phố N ngày 30-6-1980). Trong đó, bà L và ông Ch góp $\frac{1}{2}$, còn ông A và bà Q1 góp $\frac{1}{2}$, nhà đất trên do cụ ông Huỳnh Quang A và cụ bà Phan Thị Q1 đứng tên. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định nhà, đất nêu trên là tài sản chung của cụ ông Huỳnh Quang A, cụ bà Phan Thị Q1, ông Huỳnh Quang Ch và bà Nguyễn Thị Minh L.

[2.2]. Về việc tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản trên đất:

Do có đủ căn cứ để xác định nhà, đất nêu trên là tài sản chung của cụ ông Huỳnh Quang A, cụ bà Phan Thị Q1, ông Huỳnh Quang Ch và bà Nguyễn Thị Minh L, nên sau khi cụ bà Phan Thị Q1 chết (không để lại di chúc), các đồng thừa kế của cụ Q1 (cụ ông Huỳnh Quang A, ông Huỳnh Quang Th2 và ông Huỳnh Quang Ch) lập Biên bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế cùng đồng ý nhường toàn bộ nhà, đất cho cha là cụ ông Huỳnh Quang A (được Phòng công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa chứng thực số 385, quyển số TKTP/CC-SCC/HĐGD ngày 26-10-2004) mà không được sự đồng ý của đồng sở hữu tài sản (bà L) là không đúng quy định tại Điều 229 và Điều 237 của Bộ luật Dân sự năm 1995. Do cụ ông Huỳnh Quang A chưa được xác lập quyền sở hữu theo quy định các Điều 176, 242 và 253 của Bộ luật Dân sự năm 1995, nhưng đã lập Hợp đồng tặng cho toàn bộ nhà đất cho ông Huỳnh Quang Ch và bà Phạm Huyền Ng1 (được Phòng công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa chứng thực số 289, quyển số TCN TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04-11-2004) là không đúng quy định của Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 1995; từ đó, ông Huỳnh Quang Ch và bà Phạm Huyền Ng1 được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành AB 402135, số vào sổ cấp GCN: H01432 ngày 15-3-2005 là không đúng quy định của pháp luật.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, cần hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã được UBND thành phố N cấp cho ông Huỳnh Quang Ch và bà Phạm Huyền Ng1 năm 2005. Tuy nhiên, năm 2012, ông Huỳnh Quang Ch tiến hành làm thủ tục cấp đổi Giấy

chứng nhận (theo dự án Vlap) và đã được UBND thành phố N cấp đổi thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BI 061299, số vào sổ cấp GCN: CH00607/22366 ngày 14-01-2013. Vì vậy, đối tượng xem xét trong vụ án này là hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2013 và Văn bản trả lời đơn số 6121/UBND-TNMT ngày 29-8-2018 của Chủ tịch UBND thành phố N; đồng thời, giành cho bà Nguyễn Thị Minh L quyền khởi kiện chia tài sản chung đối với nhà, đất tại địa chỉ số 30, đường L3, phường P1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, nếu bà L có yêu cầu.

[3]. Như vậy, kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh L và quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị Minh L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

- Chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Minh L.

- Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2019/HC-ST ngày 15-7-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Căn cứ Điều 30 và điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, xử:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BI 061299, số vào sổ cấp GCN: CH00607/22366 ngày 14-01-2013 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp cho ông Huỳnh Quang Ch và bà Phạm Huyền Ng1 đối với thửa đất số 205, tờ bản đồ số 4, diện tích 109,7 m² tại địa chỉ số 30, đường L3, phường P1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa và hủy Văn bản trả lời đơn số 6121/UBND-TNMT ngày 29-8-2018 của Chủ tịch UBND thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Giành cho bà Nguyễn Thị Minh L quyền khởi kiện chia tài sản chung là nhà, đất tại thửa đất số 205, tờ bản đồ số 4, diện tích 109,7 m², địa chỉ số 30, đường L3, phường P1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, nếu bà Nguyễn Thị Minh L có yêu cầu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Nguyễn Thị Minh L không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; tuyên trả cho bà Nguyễn Thị Minh L 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2016/0000958 ngày 05-8-2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

- Bà Nguyễn Thị Minh L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; tuyên trả cho bà Nguyễn Thị Minh L 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2016/0000768 ngày 21-01-2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

- Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

5. Chi phí tố tụng: Chi phí giám định là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) bà Nguyễn Thị Minh L tự nguyện chịu (đã nộp đủ).

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- TANDTC - Vụ III;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THA dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường